

Số: /KH-UBND Đăk Glong, ngày tháng 01 năm 2024

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn huyện Đăk Glong

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 26/4/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt một số nội dung hỗ trợ 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 26/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Đắk Glong;

Căn cứ Quyết định số 3236/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Đắk Glong;

Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn huyện Đắk Glong, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm cụ thể hóa việc triển khai và đạt được các mục tiêu của Nghị quyết Đảng bộ huyện Đắk Glong đề ra; theo đó tỷ lệ hộ nghèo năm 2024 giảm từ 4% trở lên, trong đó hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 6% trở lên, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện đoạn 2021 - 2025.

2. Yêu cầu

- Thực hiện công tác giảm nghèo phải theo địa chỉ, theo nguyên nhân thiếu hụt (việc làm, thu nhập, các dịch vụ xã hội cơ bản), theo nguyện vọng và đúng thực chất, không chạy theo thành tích.

- Có các giải pháp hỗ trợ cụ thể cho từng nhóm đối tượng trên cơ sở các chính sách giảm nghèo hiện hành và nhu cầu của từng hộ nghèo, hộ cận nghèo. Ưu tiên hỗ trợ, đầu tư cho cộng đồng, nhóm hộ có liên kết, theo chuỗi giá trị, các dự án giảm nghèo hiệu quả.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

- Tập trung giảm mạnh hộ nghèo, hạn chế tái nghèo; giảm khoảng cách tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo giữa các xã và các nhóm dân cư; cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân tại các xã đặc biệt khó khăn; tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo từng bước tiếp cận tốt nhất các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần hoàn thành mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội của huyện.

- Huy động nguồn lực hỗ trợ đầu tư nâng cao chất lượng kết cấu hạ tầng ở các thôn, bon xã có tỷ lệ nghèo cao theo bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới; tạo điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo nhanh và bền vững, ưu tiên cho các xã nghèo xây dựng nông thôn mới.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt về tiêu chí thu nhập được hỗ trợ và tạo điều kiện vay vốn phát triển sản xuất, đào tạo nghề, tạo việc làm ổn định để tăng thu nhập.

- Phấn đấu 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt về các dịch vụ xã hội cơ bản sẽ được hỗ trợ một phần để từng bước cải thiện và tiếp cận các dịch vụ về việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin.

- Triển khai thực hiện chính sách xã hội đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm; thực hiện chính sách hỗ trợ có điều kiện gắn với đối tượng, địa bàn và thời hạn thụ hưởng nhằm tăng cường cơ hội tiếp cận chính sách.

- Cập nhật dữ liệu, vận hành xuyên suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã và quản lý hộ nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội chặt chẽ.

2. Chỉ tiêu về giảm nghèo

Phấn đấu đến cuối năm 2024, giảm tỷ lệ hộ nghèo chung toàn huyện còn dưới 10% nhằm đảm bảo thực hiện đạt chỉ tiêu đề ra theo Đề án giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025 và thoát khỏi tình trạng huyện nghèo vào năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025.

III. KẾ HOẠCH VỐN, PHẠM VI VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Tổng kế hoạch vốn: 129.046 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 84.446 triệu đồng, vốn sự nghiệp 44.600 triệu đồng*). Trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 117.314 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 76.769 triệu đồng, vốn sự nghiệp 40.545 triệu đồng*).

- Ngân sách địa phương: 11.732 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 7.677 triệu đồng, vốn sự nghiệp 4.055 triệu đồng*), Trong đó:

+ Ngân sách tỉnh: 8.209 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 5.371 triệu đồng, vốn sự nghiệp 2.838 triệu đồng*).

+ Ngân sách huyện: 3.523 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 2.306 triệu đồng, vốn sự nghiệp 1.217 triệu đồng*).

2. Phạm vi: Thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên phạm vi toàn huyện.

3. Thời gian thực hiện: Năm 2024.

IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo

a) Mục tiêu: Xây dựng cơ sở hạ tầng liên kết vùng, thiết yếu, phục vụ dân sinh, sản xuất, lưu thông hàng hóa trên địa bàn huyện nghèo; hỗ trợ các địa bàn nghèo phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

b) Đối tượng:

- Huyện nghèo theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Hỗ trợ huyện nghèo theo Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Kinh phí thực hiện: 93.685 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 84.268 triệu đồng, vốn sự nghiệp 9.417 triệu đồng*), trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 85.168 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 76.607 triệu đồng, vốn sự nghiệp 8.561 triệu đồng*).

- Ngân sách địa phương: 8.517 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 7.661 triệu đồng, vốn sự nghiệp 856 triệu đồng*), trong đó:

+ Ngân sách tỉnh: 5.959 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 5.360 triệu đồng, vốn sự nghiệp 599 triệu đồng*).

+ Ngân sách huyện: 2.558 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 2.301 triệu đồng, vốn sự nghiệp 257 triệu đồng*).

1.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Nội dung: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo

b) Kinh phí thực hiện: 61.986 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 55.451 triệu đồng, vốn sự nghiệp 6.535 triệu đồng*), cụ thể:

- Ngân sách trung ương: 56.351 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 50.410 triệu đồng, vốn sự nghiệp 5.941 triệu đồng*).

- Ngân sách địa phương: 5.635 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 5.041 triệu đồng, vốn sự nghiệp 594 triệu đồng*), trong đó:

+ Ngân sách tỉnh: 3.946 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 3.530 triệu đồng, vốn sự nghiệp 416 triệu đồng*).

+ Ngân sách huyện: 1.689 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 1.511 triệu đồng, vốn sự nghiệp 178 triệu đồng*).

c) Phân công thực hiện

- Giao Ban quản lý dự án & Phát triển quỹ đất chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các hạng mục được giao làm chủ đầu tư kịp thời, đúng theo quy định và báo cáo Ủy ban nhân dân huyện kết quả thực hiện dự án theo định kỳ và đột xuất.

- Giao UBND các xã chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các công trình duy tu, bảo dưỡng được giao theo quy định và báo cáo Ủy ban nhân dân huyện kết quả thực hiện theo định kỳ và đột xuất.

1.2. Tiểu dự án 2: Đề án hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt

a) Nội dung: Hỗ trợ đầu tư trọng tâm, trọng điểm một số công trình, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội (*công trình đầu tư cấp huyện, liên xã*) nhằm tạo sự đột phá, thúc đẩy hiệu quả phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, lưu thông hàng hóa, phát triển kinh tế và nâng cao thu nhập cho người nghèo theo Quyết định 880/QĐ-TTG ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Kinh phí thực hiện: 31.699 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 28.817 triệu đồng, vốn sự nghiệp 2.882 triệu đồng*), cụ thể:

- Ngân sách trung ương: 28.817 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 26.197 triệu đồng, vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng 2.620 triệu đồng*).

- Ngân sách địa phương: 2.882 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 2.620 triệu, vốn sự nghiệp 262 triệu đồng*), trong đó:

+ Ngân sách tỉnh: 2.013 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 1.830 triệu đồng, vốn sự nghiệp 183 triệu đồng*).

+ Ngân sách huyện: 869 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 790 triệu đồng, vốn sự nghiệp 79 triệu đồng*).

c) Phân công thực hiện

- Giao Ban quản lý dự án & Phát triển quỹ đất chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các hạng mục được giao làm chủ đầu tư

kip thời, đúng theo quy định và báo cáo Ủy ban nhân dân huyện kết quả thực hiện dự án theo định kỳ và đột xuất.

- Giao Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND các xã chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các công trình duy tu, bảo dưỡng được giao theo quy định và báo cáo Ủy ban nhân dân huyện kết quả thực hiện theo định kỳ và đột xuất.

2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Đối tượng

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (*không có sinh kế ổn định*) trên toàn huyện; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo;

- Hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân; cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Ưu tiên hỗ trợ các mô hình, dự án giảm nghèo triển khai trên địa bàn huyện nghèo; mô hình, dự án giảm nghèo, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh do người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo chủ trì thực hiện;

- Tạo điều kiện để người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn được tham gia thực hiện mô hình, dự án giảm nghèo.

b) Nội dung thực hiện: Tập huấn chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; tổ chức các hoạt động đa dạng hóa sinh kế do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của chương trình và quy định của pháp luật.

c) Quy trình xây dựng, phê duyệt, thực hiện dự án: Điều kiện hỗ trợ dự án; quy trình các bước xây dựng, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thực hiện theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng chính phủ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh tại các văn bản liên quan.

d) Kinh phí thực hiện: 6.276 triệu đồng bằng nguồn vốn sự nghiệp, cụ thể:

- Ngân sách trung ương: 5.706 triệu đồng,
- Ngân sách địa phương: 570 triệu đồng, trong đó:
 - + Ngân sách tỉnh: 400 triệu đồng.
 - + Ngân sách huyện: 170 triệu đồng.

e) Phân công thực hiện

- Giao Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn về chuyên môn, chuyển giao khoa học kỹ thuật

cho các đối tượng thực hiện các mô hình, dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn huyện.

- Giao Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan thực hiện các nội dung được giao theo quy định. Đôn đốc và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

- Giao UBND các xã rà soát, đề xuất và triển khai thực hiện các mô hình sinh kế, giảm nghèo phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương để triển khai thực hiện; báo cáo kết quả thực hiện về UBND huyện (*qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội*) theo định kỳ và đột xuất.

3. Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Đối tượng

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (*không có sinh kế ổn định*) trên toàn huyện.

- Hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

b) Nội dung thực hiện hỗ trợ

- Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư: Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định.

- Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng.

- Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thị trường, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

c) Quy trình xây dựng, thẩm định, phê duyệt, thực hiện dự án: Thực hiện theo của Chính phủ, Thủ tướng chính phủ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội đồng nhân dân tỉnh tại các văn bản liên quan.

d). Kinh phí thực hiện: 2.336 triệu đồng bằng nguồn vốn sự nghiệp, cụ thể:

- Ngân sách trung ương 2.123 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương 213 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách tỉnh 149 triệu đồng.

+ Ngân sách huyện 64 triệu đồng.

e). Phân công thực hiện

- Giao Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật cho các đối tượng thực hiện các mô hình, dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn huyện. Phối

hợp trong công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá và tổng hợp báo cáo theo quy định.

- Giao Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan thực hiện các nội dung được giao theo quy định. Đơn đốc và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

- Giao UBND các xã tổ chức triển khai thực hiện Tiểu dự án trên địa bàn theo đúng quy định và báo cáo UBND kết quả thực hiện theo định kỳ và đột xuất.

4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

Kinh phí thực hiện: 4.962 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 178 triệu đồng, vốn sự nghiệp 4.784 triệu đồng*), cụ thể:

- Ngân sách trung ương: 4.511 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 162 triệu đồng, vốn sự nghiệp 4.349 triệu đồng*).

- Ngân sách địa phương: 451 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 16 triệu đồng, vốn sự nghiệp 435 triệu đồng*), trong đó:

+ Ngân sách tỉnh 315 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 11 triệu đồng, vốn sự nghiệp 304 triệu đồng*).

+ Ngân sách huyện 136 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 05 triệu đồng, vốn sự nghiệp 131 triệu đồng*).

4.1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn:

a) Mục tiêu: Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

b) Đối tượng

- Người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp;

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn huyện nghèo;

- Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và cá nhân có liên quan;

- Các Phòng, Ban, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện các hoạt động của Tiểu dự án.

c) Nội dung thực hiện hỗ trợ

- Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Xây dựng các chuẩn về giáo dục nghề nghiệp; phát triển hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và hệ thống bảo đảm chất lượng giáo

dục nghề nghiệp; phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội.

- Khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm.

- Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

d) Kinh phí thực hiện: 3.993 triệu đồng bằng vốn sự nghiệp, cụ thể:

- Ngân sách trung ương: 3.630 triệu đồng

- Ngân sách địa phương: 363 triệu đồng, trong đó:

- + Ngân sách tỉnh 254 triệu đồng

- + Ngân sách huyện 109 triệu đồng

e) Phân công thực hiện

- Giao Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên chủ trì, triển khai thực hiện công tác đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp và triển khai các nội dung được giao theo quy định; phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn và tham mưu thực hiện các nhiệm vụ về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn; báo cáo UBND huyện (*qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội*) kết quả thực hiện theo định kỳ và đột xuất.

- Giao Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: Đôn đốc và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện tiểu dự án cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

4.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

a) Mục tiêu: Đẩy mạnh hoạt động đưa người lao động sinh sống trên địa bàn các huyện đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; hỗ trợ hoạt động đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững, nhất là người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động trên địa bàn huyện nghèo.

b) Đối tượng

- Người lao động có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài, cư trú trên địa bàn huyện (*không bao gồm các địa bàn được hưởng cơ chế, chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài quy định tại chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030*); ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ để đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận.

c) Nội dung hỗ trợ

- Người lao động sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: tiền đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian tham gia đào tạo (bao gồm cả thời gian tham gia giáo dục định hướng), trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; chi phí khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp; giới thiệu, tư vấn cho người lao động và thân nhân người lao động.

- Một phần chi phí đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân tộc thiểu số, người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

d) Kinh phí thực hiện: 502 triệu đồng bằng vốn sự nghiệp, cụ thể:

- Ngân sách trung ương hỗ trợ: 456 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 46 triệu đồng, trong đó:

- + Ngân sách tỉnh: 32 triệu đồng.

- + Ngân sách huyện: 14 triệu đồng.

e) Phân công thực hiện:

- Giao Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Phòng, Ban, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện và báo cáo UBND huyện kết quả thực hiện theo định kỳ và đột xuất.

- Giao UBND các xã tuyên truyền rộng rãi chính sách trên địa bàn để người lao động biết, tham gia; hướng dẫn gia đình có người tham gia xuất khẩu lao động thủ tục để được hỗ trợ chính sách theo quy định.

4.3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Mục tiêu: Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

b) Đối tượng

- Người lao động, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- Các trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo và cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Nội dung hỗ trợ

- Về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc; hỗ trợ giao dịch việc làm.

- Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác.

- Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động; hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

d) Kinh phí thực hiện: 467 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 178 triệu đồng, vốn sự nghiệp 289 triệu đồng*), cụ thể:

- Ngân sách trung ương: 425 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 162 triệu đồng, vốn sự nghiệp 263 triệu đồng*).

- Ngân sách địa phương: 42 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 16 triệu đồng, vốn sự nghiệp 26 triệu đồng*), trong đó:

+ Ngân sách tỉnh 29 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 11 triệu đồng, vốn sự nghiệp 18 triệu đồng*)

+ Ngân sách huyện 13 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 5 triệu đồng, vốn sự nghiệp 8 triệu đồng*).

e) Phân công thực hiện: Giao Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Phòng, Ban, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện và báo cáo UBND huyện kết quả thực hiện theo định kỳ và đột xuất.

- Giao Ủy ban nhân dân các xã tổ chức triển khai thực hiện tại địa phương và báo cáo kết quả về UBND huyện (*qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội*) theo định kỳ và đột xuất.

5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

a) Mục tiêu: Hỗ trợ nhà ở cho các hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo (*theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2021 - 2025*) trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp

xã quản lý, đang cư trú trên địa bàn huyện nghèo và là hộ độc lập có thời gian tách hộ đến khi Chương trình có hiệu lực thi hành tối thiểu 03 năm.

- Đối tượng thụ hưởng dự án không bao gồm các hộ đã được hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 và các chương trình, đề án, chính sách khác.

c) Nội dung hỗ trợ: Xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở hiện có; đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m², đạt tiêu chuẩn “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

d) Kinh phí thực hiện: 20.667 triệu đồng bằng vốn sự nghiệp, cụ thể:

- Ngân sách trung ương: 18.788 triệu đồng.
- Ngân sách địa phương: 1.879 triệu đồng, trong đó:
 - + Ngân sách tỉnh 1.315 triệu đồng.
 - + Ngân sách huyện 564 triệu đồng.

e) Phân công thực hiện:

- Giao Phòng Kinh tế - Hạ tầng hướng dẫn UBND các xã triển khai thực hiện Dự án; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Giao UBND các xã triển khai thực hiện hỗ trợ đối tượng thụ hưởng, chất lượng nhà ở theo đúng quy định, báo cáo kết quả thực hiện về UBND huyện (qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Kinh tế và Hạ tầng) theo định kỳ và đột xuất.

6. Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo thông tin

Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Mục tiêu: Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

b) Đối tượng:

- Người nghèo, người dân tại các địa bàn thực hiện Chương trình;
- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung:

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững;

- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo;

- Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững;

- Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo;

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới;

- Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở;

- Phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

d) Kinh phí thực hiện: 218 triệu đồng bằng vốn sự nghiệp, cụ thể:

- Ngân sách trung ương: 198 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 20 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách tỉnh 14 triệu đồng.

+ Ngân sách huyện 06 triệu đồng.

e) Phân công thực hiện: Giao Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hóa - Thông tin, các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện; đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

7. Dự án 7: Dự án nâng cao năng lực giám sát và đánh giá chương trình

Kinh phí thực hiện: 902 triệu đồng bằng vốn sự nghiệp, cụ thể:

- Ngân sách trung ương hỗ trợ: 820 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 82 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách tỉnh: 57 triệu đồng.

+ Ngân sách huyện 25 triệu đồng.

7.1. Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

a) Mục tiêu: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

b) Đối tượng: Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cấp cơ sở (cán bộ thôn, bon, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ chi hội đoàn thể, cộng tác viên giảm nghèo, người có uy tín), chú trọng nâng cao năng lực cho cán bộ nữ; các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung:

Xây dựng, in ấn tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn; tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong nước; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

d) Kinh phí thực hiện: 463 triệu đồng bằng vốn sự nghiệp, cụ thể:

- Ngân sách trung ương hỗ trợ: 420 triệu đồng.
- Ngân sách địa phương: 43 triệu đồng, trong đó:
 - + Ngân sách tỉnh: 30 triệu đồng.
 - + Ngân sách huyện 13 triệu đồng.

e) Phân công thực hiện: Giao Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND các xã tổ chức triển khai thực hiện. Đánh giá, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

7.2. Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

a) Mục tiêu: Thiết lập quy trình, hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình; tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật.

b) Đối tượng: Cơ quan chủ trì Chương trình các cấp, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần các cấp và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá; các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung thực hiện:

- Xây dựng khung kết quả của Chương trình, gồm: hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tiếp cận đa chiều; xây dựng quy trình, chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện;

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất;

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp;

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp.

d) Kinh phí thực hiện: 439 triệu đồng bằng vốn sự nghiệp, cụ thể:

- Ngân sách trung ương hỗ trợ: 400 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 39 triệu đồng, trong đó:

- + Ngân sách tỉnh: 27 triệu đồng.

- + Ngân sách huyện 12 triệu đồng.

e) Phân công thực hiện: Giao Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND các xã tổ chức triển khai thực hiện. Đánh giá, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

(Chi tiết các dự án, tiểu dự án có phụ lục kèm theo)

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về nguyên tắc thực hiện Chương trình

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là các xã nghèo; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và trẻ em, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Quy định cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện một số hoạt động của Chương trình bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế, đặc điểm, điều kiện của địa phương; khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, lãng phí; không sử dụng vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

- Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân. Ưu tiên các công trình sử dụng nguyên vật liệu địa phương và sử dụng lao động tại chỗ để tạo thêm sinh kế cho người dân.

- Phân quyền, phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc, các vùng miền gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các đơn vị liên quan. Có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực và xử lý nghiêm hành vi tham nhũng, lãng phí và các vi phạm trong quá trình thực hiện Chương trình.

2. Về giải pháp huy động vốn, lồng ghép nguồn lực

- Ngân sách nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, tạo động lực, đồng thời huy động tối đa các nguồn lực xã hội thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế và tăng cường các nguồn huy động, đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn đối ứng, tham gia, đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng.

- Bảo đảm cân đối, bố trí, huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu nguồn vốn đã được quyết định; bảo đảm tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương và trách nhiệm tham gia thực hiện Chương trình của người dân, đối tượng thụ hưởng.

- Lồng ghép nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, việc thực hiện các chính sách giảm nghèo nói chung và các chính sách giảm nghèo đặc thù với các dự án, nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện.

3. Về cơ chế quản lý, thực hiện

- Ban Chỉ đạo cấp huyện và cấp xã: Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quyết định số 1945/QĐ-TTg ngày 18/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định thành lập tổ giúp việc cho Ban Chỉ đạo chung các chương trình mục tiêu quốc gia ở địa phương theo quy định tại Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 và Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội.

- Về cơ chế thực hiện

+ Cơ chế đặc thù thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 được thực hiện theo quy định của Quốc hội, Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

+ Thực hiện cơ chế hỗ trợ, phân cấp, trao quyền cho địa phương, cơ sở; tăng cường sự tham gia của người dân trong thực hiện Chương trình. Khuyến khích, mở rộng hoạt động tạo việc làm công cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân trên địa bàn nghèo thông qua các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, đa dạng hóa sinh kế, mô hình giảm nghèo và dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

+ Thực hiện cơ chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định hiện hành về giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, giảm nghèo về thông tin và truyền thông về giảm nghèo đa chiều; tập huấn, tư vấn chuyên gia kỹ thuật, quản lý mô hình, dự án sinh kế; cơ chế hỗ trợ trực tiếp cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, người học nghề thuộc đối tượng của Chương trình.

+ Áp dụng thống nhất các cơ chế, quy trình trong thực hiện các dự án, tiểu dự án của Chương trình; ưu tiên lựa chọn các nội dung hỗ trợ có định mức cao

hơn; đảm bảo nguyên tắc không trùng lặp giữa các hoạt động, nội dung hỗ trợ đầu tư của các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình trên cùng một địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng.

+ Trên cơ sở tổng nguồn lực được giao, địa phương sẽ chủ động bố trí ngân sách, xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm để bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình đề ra.

+ Áp dụng cách tiếp cận giảm nghèo dựa vào cộng đồng; mở rộng và tạo điều kiện để tăng cường sự tham gia của người dân về các hoạt động của Chương trình; bảo đảm công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện Chương trình.

4. Về công tác tuyên truyền

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội, nhất là người dân nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong giảm nghèo bền vững; phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần "tương thân, tương ái" của dân tộc ta đối với người nghèo. Khơi dậy ý chí tự lực tự cường của người nghèo, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội.

- Đổi mới phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên “thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no” của người dân và cộng đồng, phấn đấu “Vì một Việt Nam không còn đói nghèo”.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

- Là cơ quan chủ trì quản lý Chương trình; chủ trì, phối hợp với các Phòng, Ban, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các xã tổ chức triển khai, thực hiện Chương trình theo quy định.

- Phối hợp với các Phòng, Ban, đơn vị liên quan kiểm tra, theo dõi việc thực hiện Chương trình tại các đơn vị và UBND các xã; tổng hợp kết quả thực hiện chương trình, báo cáo theo quy định.

2. Phòng Tài chính và Kế hoạch

- Tham mưu UBND huyện về nhu cầu kinh phí và phân bổ kinh phí thực hiện nhiệm vụ chương trình kế hoạch năm 2024.

- Cân đối, bố trí đủ tỷ lệ vốn đối ứng nguồn vốn đầu tư theo quy định, có kế hoạch bổ sung vốn cho chương trình theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trình các cấp có thẩm quyền theo quy định.

- Chủ trì, tham mưu, hướng dẫn về cơ chế tài chính, thanh quyết toán các nguồn vốn thực hiện chương trình theo đúng quy định.

3. Các Phòng, Ban, đơn vị liên quan được phân công chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung, thành phần chương trình

- Xây dựng và đề xuất các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nguồn vốn và phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách năm 2024; xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung, tiểu dự án, dự án thành phần được giao chủ trì quản lý, tổ chức thực hiện trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định; chịu trách nhiệm rà soát, xác định địa bàn, đối tượng, nội dung đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp với các chương trình, dự án, đề án khác.

- Phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các Phòng, Ban, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá thường xuyên, định kỳ thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung, tiểu dự án, dự án thành phần chương trình được phân công chủ trì theo dõi quản lý theo quy định.

- Thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất kết quả thực hiện gửi về UBND huyện (*thông qua Lao động - Thương binh và Xã hội*) để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

- Các Phòng, Ban, đơn vị liên quan tham gia thực hiện chương trình có trách nhiệm nghiên cứu, lồng ghép thực hiện chương trình này với các chương trình mục tiêu, dự án khác được giao chủ trì quản lý, đảm bảo hiệu quả, không chồng chéo.

4. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện và các tổ chức chính trị - xã hội

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc, ý chí tự lực tự cường, tinh thần vươn lên trong phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo.

- Tuyên truyền vận, động viên các tổ chức chính trị - xã hội đăng ký, nhận hỗ trợ hộ nghèo thoát nghèo bền vững.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả trong các hoạt động giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

5. Ủy ban nhân dân các xã

- Xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình, lập đề án, dự án để thực hiện các nội dung, tiểu dự án, dự án thành phần chương trình được giao năm 2024 tại địa phương.

- Thực hiện lồng ghép thực hiện chương trình với các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án khác được giao thực hiện tại địa phương đảm bảo hiệu quả, không chồng chéo; thực hiện thông tin tuyên truyền trong tổ chức, quản lý thực hiện chương trình.

- Chịu trách nhiệm rà soát, xác định địa bàn, đối tượng, nội dung chính sách tại địa phương tổ chức thực hiện đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp với các chương trình, dự án, đề án khác.

- Thực hiện đầy đủ chế độ, thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất theo hướng dẫn về kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân huyện (qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) để tổng hợp báo cáo.

VIII. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

1. Các Phòng, Ban, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các xã định kỳ về Ủy ban nhân dân huyện (qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) để tổng hợp, báo cáo cơ quan chức năng, cụ thể:

- Báo cáo tuần: Trước 16 giờ thứ 5, hằng tuần.

- Báo cáo tháng: Trước ngày 25 hằng tháng.

2. Giao Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: Tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn huyện Đăk Glông. Yêu cầu các Phòng, Ban, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các xã triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở LĐ-TB&XH tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Các tổ chức chính trị - xã hội huyện;
- Các Phòng, Ban, đơn vị;
- Ủy ban nhân dân các xã;
- Lưu: VT, LĐTBXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Văn Phương

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND, ngày /01/2024 của UBND huyện Đắk Glong)

STT	Chương trình/Dự án, tiểu dự án/ Chủ đầu tư	Tổng số			Ngân sách Trung ương			Ngân sách địa phương						Ghi chú	
		Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghịệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghịệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển			Vốn sự nghiệp			
									Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Tổng cộng	Ngân sách tỉnh		Ngân sách huyện
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)	129.046	84.446	44.600	117.314	76.769	40.545	11.732	7.677	5.371	2.306	4.055	2.838	1.217	
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	93.685	84.268	9.417	85.168	76.607	8.561	8.517	7.661	5.360	2.301	856	599	257	
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các huyện nghèo	61.986	55.451	6.535	56.351	50.410	5.941	5.635	5.041	3.530	1.511	594	416	178	
1.1	Hoạt động 1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các huyện nghèo	55.451	55.451	-	50.410	50.410	-	5.041	5.041	3.530	1.511	-	-	-	
*	Ban QLDA và PTQĐ	55.451	55.451	-	50.410	50.410	-	5.041	5.041	3.530	1.511	-	-	-	
-	Công trình dân dụng	27.382	27.382		24.000	24.000		3.382	3.382	2.000	1.382				

Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc, xã Quảng Hòa; Hạng mục: Nhà lớp học 08 phòng (2 tầng), nhà lớp học bộ môn 06 phòng (2 tầng), thiết bị, hạ tầng kỹ thuật	4.600	4.600		4.000	4.000		600	600	500	100				
Trường THCS Quảng Hòa, xã Quảng Hòa; Hạng mục: Nhà lớp học bộ môn 8 phòng (2 tầng), thiết bị, hạ tầng kỹ thuật	1.200	1.200		1.000	1.000		200	200		200				
Trường mẫu giáo Hoa Mai, xã Đắc Ha; Hạng mục: Nhà lớp học 8 phòng, Nhà âm nhạc, thể chất, thiết bị, hạ tầng sân đường bê tông	3.700	3.700		3.000	3.000		700	700	500	200				
Trường PTDT bán trú trung học cơ sở Đắc R'Măng, xã Đắc R'Măng; Hạng mục: Nhà lớp học kết hợp phòng bộ môn 12 phòng (3 tầng), nhà đa năng, thiết bị và hạ tầng kỹ thuật	5.600	5.600		5.000	5.000		600	600	500	100				
Trường tiểu học Lê Lợi, xã Đắc R'Măng; Hạng mục: Nhà đa năng và sân bê tông	200	200		-	-		200	200		200				

Trường THCS Đắc Nang, xã Đắc Som; Hạng mục: Nhà lớp học bộ môn 08 phòng (2 tầng), thiết bị; sân bê tông	1.500	1.500		1.500	1.500		-	-						
Trường TH & THCS Đắc Plao, xã Đắc Plao; Hạng mục: Nhà lớp học bộ môn 08 phòng (2 tầng), thiết bị; hạ tầng kỹ thuật	1.600	1.600		1.500	1.500		100	100		100				
Trường TH & THCS Trần Quốc Toàn, xã Đắc Ha (điểm thôn 5); Hạng mục: Nhà lớp học 12 phòng (2 tầng), thiết bị + San lấp mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật.	4.241	4.241		4.000	4.000		241	241		241				
Trường TH & THCS Trần Quốc Toàn, xã Đắc Ha (điểm Trường chính); Hạng mục: Nhà lớp học bộ môn 08 phòng (2 tầng), Nhà đa năng, thiết bị, hạ tầng kỹ thuật	4.741	4.741		4.000	4.000		741	741	500	241				
Công trình giao thông	26.713	26.713		25.183	25.183		1.530	1.530	1.530	-				
Nâng cấp, sửa chữa cục bộ Đường giao thông liên xã Đắc R'Măng - Quảng Sơn,	10.530	10.530		10.000	10.000		530	530	530					

	huyện Đắk G'long														
	Nâng cấp và làm mới đường liên xã Đắk Som - Đắk Nang - Đắk R'Măng, huyện Đắk Glong	8.183	8.183		7.683	7.683		500	500	500					
	Đường giao thông liên xã Đắk Ha, Đắk Glong đi Quảng Thành, Gia Nghĩa (độc Bình Long xã Đắk Ha đi xã Quảng Thành)	8.000	8.000		7.500	7.500		500	500	500					
-	Công trình thủy lợi	1.356	1.356		1.227	1.227		129	129	-	129				
	Nâng cấp đập thủy lợi thôn 8, xã Đắk Ha	1.356	1.356		1.227	1.227		129	129		129				
1.2	Hoạt động 2: Duy tu, bảo dưỡng	6.535	-	6.535	5.941	-	5.941	594	-	-	-	594	416	178	
*	UBND xã Quảng Sơn	1.000	-	1.000	900	-	900	100	-	-	-	100	80	20	
-	Sửa chữa đường giao thông nông thôn thôn Quảng Hợp, xã Quảng Sơn	1.000	-	1.000	900		900	100	-			100	80	20	
*	UBND xã Quảng Khê	1.590	-	1.590	1.500	-	1.500	90	-	-	-	90	60	30	
-	Duy tu, bảo dưỡng nhà văn hoá bon Ka La Du, xã Quảng Khê	430	-	430	400		400	30	-			30	20	10	

-	Duy tu, bảo dưỡng nhà văn hoá bon Ka La Dong, xã Quảng Khê	430	-	430	400		400	30	-			30	20	10	
-	Duy tu, bảo dưỡng nhà văn hoá bon Sa Ú Dru, xã Quảng Khê	365	-	365	350		350	15	-			15	10	5	
-	Duy tu, bảo dưỡng nhà văn hoá thôn Quảng Long xã Quảng Khê	365	-	365	350		350	15	-			15	10	5	
*	UBND xã Đăk Plao	480	-	480	441	-	441	39	-	-	-	39	30	9	
-	Duy tu, bảo dưỡng nhà văn hoá bon B'Nom Păng Răh, xã Đăk Plao	480	-	480	441		441	39	-			39	30	9	
*	UBND xã Đăk R'Măng	1.000	-	1.000	900	-	900	100	-	-	-	100	70	30	
-	Sửa chữa đường vào bon Sa Na, xã Đăk R'Măng	1.000	-	1.000	900		900	100	-			100	70	30	
*	UBND xã Quảng Hòa	1.000	-	1.000	900	-	900	100	-	-	-	100	80	20	
-	Duy tu, bảo dưỡng đường giao thôn thôn 10, xã Quảng Hòa	1.000	-	1.000	900		900	100	-			100	80	20	
*	UBND xã Đăk Ha	1.465	-	1.465	1.300	-	1.300	165	-	-	-	165	96	69	
1	Duy tu, sửa chữa đường bê tông thôn 3 (điểm đầu từ công chào thôn 3 nối đường đi xã Quảng Thành)	1.465	-	1.465	1.300		1.300	165	-			165	96	69	

2	Tiểu Dự án 2: Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn	31.699	28.817	2.882	28.817	26.197	2.620	2.882	2.620	1.830	790	262	183	79	
2.1	Hoạt động 1. Đầu tư phát triển	28.817	28.817	-	26.197	26.197	-	2.620	2.620	1.830	790	-	-	-	
*	Ban QLDA và PTQĐ	28.817	28.817	-	26.197	26.197	-	2.620	2.620	1.830	790	-	-	-	
-	Đường giao thông liên xã Quảng Khê (Thôn 7) - Đăk Plao	22.919	22.919		21.204	21.204		1.715	1.715	1.066	649				
-	Nâng cấp, sửa chữa đường liên xã Quảng Sơn – xã Đăk R'Măng (đoạn qua trung tâm xã Quảng Sơn)	2.727	2.727		2.727	2.727		-	-						
-	Nâng cấp hạng mục vỉa hè, điện chiếu sáng tuyến đường xã Quảng Khê nối Quốc lộ 28 đi xã Đăk Som (Đoạn qua xã Quảng Khê)	3.171	3.171		2.266	2.266		905	905	764	141				
2.2	Hoạt động 2: Duy tu, bảo dưỡng	2.882	-	2.882	2.620	-	2.620	262	-	-	-	262	183	79	
*	Phòng Lao động TB&XH	2.882	-	2.882	2.620	-	2.620	262	-	-	-	262	183	79	
-	Thông báo sau	436	-	436	397		397	39	-			39	27	12	

-	Duy tu, sửa chữa cục bộ đường liên xã Quảng Khê - Đăk ha (đoạn qua địa bàn xã Đăk Ha)	889	-	889	800		800	89	-			89	72	17	
-	Duy tu, sửa chữa cục bộ đường giao thông liên xã Đăk Som - Đăk R'Măng (nối tiếp đoạn từ Km8+200 đến hết khu vực Đăk Nang)	420	-	420	336		336	84	-			84	84		
-	Duy tu, sửa chữa cục bộ đoạn đường liên xã Đăk R'Măng - Đăk Plao (từ Trạm kiểm lâm đến hết địa bàn xã Đăk R'Măng)	750	-	750	750		750	-	-			-			
-	Duy tu, sửa chữa cục bộ đường liên xã Đăk R'Măng - Đăk Som (đoạn qua địa bàn xã Đăk R'Măng)	387	-	387	337		337	50	-			50		50	
II	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	6.276	-	6.276	5.706	-	5.706	570	-	-	-	570	400	170	
1	Tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ	57	-	57	50	-	50	7	-	-	-	7	6	1	
*	Phòng Nông nghiệp và PTNT	57	-	57	50	-	50	7	-	-	-	7	6	1	

2	Chi phí quản lý dự án	110	-	110	100	-	100	10	-	-	-	10	8	2	
*	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	110	-	110	100	-	100	10	-	-	-	10	8	2	
3	Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất (bao gồm cả chi phí lựa chọn dự án, mô hình...)	6.109	-	6.109	5.556	-	5.556	553	-	-	-	553	386	167	
3.1	UBND xã Đắk Plao	801	-	801	728		728	73				73	51	22	
3.2	UBND xã Đắk Som	937	-	937	852		852	85				85	59	26	
3.3	UBND xã Quảng Khê	540	-	540	491		491	49				49	34	15	
3.4	UBND xã Quảng Sơn	986	-	986	898		898	88				88	62	26	
3.5	UBND xã Quảng Hòa	946	-	946	860		860	86				86	60	26	
3.6	UBND xã Đắk R'Măng	1.019	-	1.019	926		926	93				93	65	28	
3.7	UBND xã Đắk Ha	880	-	880	801		801	79				79	55	24	
III	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	2.336	-	2.336	2.123	-	2.123	213	-	-	-	213	149	63	
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	2.336	-	2.336	2.123	-	2.123	213	-	-	-	213	149	64	

1.1	Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyên giao kỹ thuật.	50	-	50	45	-	45	5	-	-	-	5	3	2	
*	Phòng Nông nghiệp và PTNT	50	-	50	45	-	45	5	-	-	-	5	3	2	
1.2	Chi phí quản lý dự án	50	-	50	45	-	45	5	-	-	-	5	3	2	
*	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	50	-	50	45	-	45	5	-	-	-	5	3	2	
1.3	Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp (bao gồm cả chi phí lựa chọn dự án, mô hình...)	2.236	-	2.236	2.033	-	2.033	203	-	-	-	203	143	60	
a	UBND xã Đắk Plao	239	-	239	219		219	20				20	15	5	
b	UBND xã Đắk Som	338	-	338	309		309	29				29	21	8	
c	UBND xã Quảng Khê	125	-	125	114		114	11				11	8	3	
d	UBND xã Quảng Sơn	408	-	408	371		371	37				37	26	11	
e	UBND xã Quảng Hòa	341	-	341	310		310	31				31	21	10	
g	UBND xã Đắk R'Măng	434	-	434	391		391	43				43	30	13	
h	UBND xã Đắk Ha	351	-	351	319		319	32				32	22	10	
IV	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	4.962	178	4.784	4.511	162	4.349	451	16	11	5	435	304	131	
1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo,	3.993	-	3.993	3.630	-	3.630	363	-	-	-	363	254	109	

	vùng khó khăn														
*	Trung tâm giáo dục Thường xuyên - Giáo dục nghề nghiệp	3.993	-	3.993	3.630	-	3.630	363	-	-	-	363	254	109	
1.1	Xây dựng các chuẩn về giáo dục nghề nghiệp; phát triển hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội	1.662	-	1.662	1.500		1.500	162	-			162	110	52	
1.2	Khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm	1.550	-	1.550	1.400		1.400	150	-			150	108	42	
1.3	Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp	781	-	781	730		730	51	-			51	36	15	

2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	502	-	502	456	-	456	46	-	-	-	46	32	14	
*	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	502	-	502	456	-	456	46	-	-	-	46	32	14	
	Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian tham gia đào tạo (bao gồm cả thời gian tham gia giáo dục định hướng), trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; chi phí khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp; giới thiệu, tư vấn cho người lao động và thân nhân người lao động	502	-	502	456		456	46	-			46	32	14	
3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	467	178	289	425	162	263	42	16	11	5	26	18	8	
*	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	467	178	289	425	162	263	42	16	11	5	26	18	8	
-	Mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin		178		162	162		16	16	11	5				

-	Hỗ trợ giao dịch việc làm; thu phạt, phân tích, dự báo thị trường lao động	289	-	289	263		263	26	-			26	18	8	
V	Dự án 5. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo	20.667	-	20.667	18.788	-	18.788	1.879	-	-	-	1.879	1.315	564	
1	UBND xã Đắk Plao	2.015	-	2.015	1.849		1.849	166				166	116	50	
2	UBND xã Đắk Som	1.911	-	1.911	1.718		1.718	193				193	135	58	
3	UBND xã Quảng Khê	1.320	-	1.320	1.200		1.200	120				120	84	36	
4	UBND xã Quảng Sơn	3.720	-	3.720	3.383		3.383	337				337	236	101	
5	UBND xã Quảng Hòa	4.991	-	4.991	4.538		4.538	453				453	317	136	
6	UBND xã Đắk R'Măng	3.740	-	3.740	3.400		3.400	340				340	238	102	
7	UBND xã Đắk Ha	2.970	-	2.970	2.700		2.700	270				270	189	81	
VI	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo thông tin	218	-	218	198	-	198	20	-	-	-	20	14	6	
1	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	218	-	218	198	-	198	20	-	-	-	20	14	6	
*	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	218	-	218	198		198	20				20	14	6	
VII	Dự án 7: Nâng cao năng lực, giám sát và đánh giá chương trình	902	-	902	820	-	820	82	-	-	-	82	57	25	
1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	463	-	463	420	-	420	43	-	-	-	43	30	13	
1.1	UBND xã Đắk Plao	55	-	55	50		50	5				5	4	1	

1.2	UBND xã Đắk Som	67	-	67	60		60	7				7	5	2	
1.3	UBND xã Quảng Khê	33	-	33	30		30	3				3	2	1	
1.4	UBND xã Quảng Sơn	55	-	55	50		50	5				5	3	2	
1.5	UBND xã Quảng Hòa	43	-	43	40		40	3				3	2	1	
1.6	UBND xã Đắk R'Măng	56	-	56	50		50	6				6	4	2	
1.7	UBND xã Đắk Ha	44	-	44	40		40	4				4	3	1	
1.8	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	110	-	110	100		100	10				10	7	3	
2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	439	-	439	400	-	400	39	-	-	-	39	27	12	
2.1	UBND xã Đắk Plao	55	-	55	50		50	5				5	4	1	
2.2	UBND xã Đắk Som	66	-	66	60		60	6				6	4	2	
2.3	UBND xã Quảng Khê	22	-	22	20		20	2				2	1	1	
2.4	UBND xã Quảng Sơn	54	-	54	50		50	4				4	3	1	
2.5	UBND xã Quảng Hòa	44	-	44	40		40	4				4	3	1	
2.6	UBND xã Đắk R'Măng	56	-	56	50		50	6				6	4	2	
2.7	UBND xã Đắk Ha	33	-	33	30		30	3				3	2	1	
2.8	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	109	-	109	100		100	9				9	6	3	